TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12- TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Nên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Rất
2. Ông Nguyễn Văn Quốc

- Thư ký Nên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia Nên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trần N, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp B, xã C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2.Bị đơn: chị Đặng Thị M, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp B, xã C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn - anh Trần N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần N và chị Đặng Thị M tự nguyện- chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Anh và chị M chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Anh và chị M sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay.

Về con chung: Anh và chị M có với nhau 01 con chung tên Trần Đ sinh ngày

07/11/2022. Từ khi sống ly thân cho đến nay, con chung sống với chị M nên khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho vợ tôi nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/10/2025, bị đơn – chị Đặng Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với các thông tin anh N trình bày và chị đồng ý ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có với nhau 01 con chung tên Trần Đ sinh ngày 07/11/2022, hiện con chung đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Nên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký Nên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với Nên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định.

- Về nội dung: *Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:*

- ***Về hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần N đối với chị Đặng Thị M.

- ***Về con chung***: Giao cháu Trần Đ, sinh ngày 07/11/2022 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu V trưởng thành.

- ***Về tài sản chung, nợ chung***: anh N và chị M đều trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

Án phí được tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại Nên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Đặng Thị M trong quá trình giải quyết vụ án có bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị M.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Trần N và chị Đặng Thị M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[2.2] Về xác định mâu thuẫn: Anh N trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Anh N và chị M sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Chị M thống nhất với các thông tin anh N trình bày và chị đồng ý ly hôn với anh N. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị M.

[2.3] Về con chung: Anh N và chị M có 01 con chung tên Trần Đ sinh ngày 07/11/2022. Hiện nay con chung đang sống chung với chị M. Chị M yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung thành niên. Anh N cũng đồng ý theo yêu cầu của chị M nên xét thấy cần giao con chung là Trần Đ sinh ngày 07/11/2022 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 02 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động sinh sống được. Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung: Anh N và chị M không yêu cầu giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: anh N và chị M xác định không có nên không đặt ra giải quyết

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án:

Anh Trần N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007311 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 thuộc Thi hành án

dân sự tỉnh Tây Ninh. Anh N còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng. Chị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của anh Trần N với chị Đặng Thị M.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Trần N và chị Đặng Thị M.

Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên là Trần Đ sinh ngày 07/11/2022. Anh N cấp dưỡng nuôi con cho chị M mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng kể từ tháng 02 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động sinh sống được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh N và chị M không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh N và chị M xác định không có nên không đặt ra giải quyết

2. Về án phí:

Anh Trần N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007311 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Anh N còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh
- Các đương sự
- UBND xã C;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA NÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Mai